

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thủy

2. Ông Nguyễn Công Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST - HNGĐ ngày 11-02-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm T, thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Bình M; sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Xóm 7, thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10-02-2022, bản tự khai ngày 14-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Bình M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12-6-2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau thời gian kết hôn anh chị sống hạnh phúc được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có tiếng nói chung, hạnh phúc vợ chồng mất dần. Tháng 2-2014 chị N thấy cuộc sống chung của vợ

chồng quá ngột ngạt nên chị bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và đến tháng 7-2017 chị lại trở về chung sống cùng anh M. Tuy nhiên quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng sống chung với nhau không có hạnh phúc. Khoảng tháng 9-2017 chị và con lại trở về nhà bố mẹ để chị sinh sống đến nay, chị và anh M chính thức sống ly thân từ tháng 9-2017 đến nay. Từ thời điểm sống ly thân đến nay chị và anh M đã chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian anh chị sống ly thân dài hơn thời gian vợ chồng chung sống với nhau, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ do đó chị xin được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh M có 01 con chung là cháu Hà Công Trần Minh N, sinh ngày 25-9-2013. Hiện nay cháu N đang được chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm kinh doanh tự do, thu nhập trung bình là 9.000.000đ/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh M không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Hà Bình M: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-3-2022, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Hà Bình M và chị Trần Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V ngày 12-6-2013. Thời điểm hiện nay anh M và chị N đã sống ly thân, chị N đưa con về quê ở xã Đ, huyện V sinh sống; anh M sống một mình tại nhà ở xã L, huyện V. Anh M làm công nhân tại khu công nghiệp B, huyện V nên sáng đi làm, tối mới có mặt tại gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Hà Bình M

+ Về con chung: Giao cháu Hà Công Trần Minh N, sinh ngày 25-9-2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N trưởng thành, có khả năng

lao động tự lập được. Anh Hà Bình M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hà Bình M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 7, thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Hà Bình M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Hà Bình M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 12-6-2013, như vậy hôn nhân của chị N và anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ tháng 2-2014 đến tháng 7-2017, sau đó lại trở về chung sống cùng nhau được 02 tháng và tới tháng 9-2017 tiếp tục sống ly thân đến nay. Như vậy giữa chị N và anh M không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân dài, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân gia đình giữa chị N và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Hà Bình M có 01 con chung là cháu Hà Công Trần Minh N, sinh ngày 25-9-2013. Hội đồng xét xử xét thấy chị N có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con; mặt khác chị N là người trực tiếp nuôi con từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị N, giao cháu Hà Công Trần Minh N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N không yêu cầu anh Hà Bình M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị N xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Hà Bình M.
2. Về con chung: Giao cháu Hà Công Trần Minh N, sinh ngày 25-9-2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Hà Bình M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị N.
3. Anh Hà Bình M có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị N.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001399 ngày 11-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị N đã nộp xong).

Chị Trần Thị N và anh Hà Bình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm